

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-01-2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoàn; Ông Dương Văn Ngạn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:* Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2021, giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Huyền L, sinh năm 1991.(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Cờ, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2 - Bị đơn: Anh Đỗ Công C, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tràng Kỹ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3 - Người làm chứng:

3.1. Ông Đỗ Công Đ, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn Tràng Kỹ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3.2. Bà Vũ Thị R, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Tân Cờ, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Chị Vũ Thị Huyền L và anh Đỗ Công C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ngày 09/11/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau cùng nhà với bố mẹ anh C ở xã Tân Trường. Anh chị chung sống bình thường được khoảng 6 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt trong cuộc sống nên hay cãi nhau. Anh C đã nhiều lần đánh chị L khiến chị muốn ly hôn anh C nên mang con bỏ đi. Vì thương con, chị lại quay về chung sống cùng anh C. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa anh chị vẫn nảy sinh. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhưng anh C không thay đổi. Chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể hàn gắn được. Chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh C.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Th, sinh ngày 05/4/2018. Cháu Th đang ở cùng chị L và mẹ đẻ chị. Khi ly hôn, Chị xin được nuôi con chung. Chị đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh C tự nguyện đóng góp là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên. Hiện nay chị làm tự do, thu nhập bình quân 5.000.000đồng/tháng. Chị đang ở cùng nhà với mẹ đẻ chị. Mẹ đẻ chị tạo điều kiện chăm sóc cháu Th khi chị bận công việc và cho mẹ con chị ở cùng nhà lâu dài, ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Anh C thống nhất với chị L về điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn lặt vặt, chị L nói láo với anh nên anh đánh chị L vài lần. Chị L bỏ đi một lần nhưng sau đó vợ chồng nói chuyện, hòa giải thì lại quay về chung sống cùng anh. Đến khoảng tháng 8 năm 2020. Anh chị lại bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L ghen tuông vô cớ, về nói anh nhiều lần khiến anh không giữ được bình tĩnh nên đánh chị L. Thực tế anh hoàn toàn không có quan hệ với người phụ nữ nào khác. Chị L đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ, phân tích và hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị L kiên quyết không đồng ý. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn còn yêu thương chị L. Theo anh cảm nhận, lý do chị L xin ly hôn chỉ vì mê tín, nghe người ngoài khích bác. Vì thế, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Th, sinh ngày 05/4/2018. Hiện nay cháu Th đang ở cùng chị L và bà ngoại. Nếu phải ly hôn, vì cháu còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L số tiền là 1.000.000đ/tháng. Hiện nay anh làm lái xe, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/tháng. Anh đang ở cùng nhà bố mẹ đẻ anh.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh chị không có gì, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng trình bày: Ông là bố đẻ của anh C. Chị L là con dâu ông. Anh C và chị L ở cùng nhà với vợ chồng ông từ sau khi kết hôn đến nay. Quá trình chung sống, anh C và chị L có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nhiều lần đánh nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không biết nhường nhịn nhau. Chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ nhiều lần xong lại quay về chung sống cùng anh C. Từ tháng 12 năm 2020, chị L lại tiếp tục bỏ đi. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ cả hai vợ chồng nhưng vợ chồng không dung hòa được. Anh chị có một con chung. Cháu đang ở cùng chị L. Anh C làm nghề lái xe, chị L là lao động tự do. Anh chị không có tài sản chung và vẫn phải ở nhờ nhà của ông bà. Nếu anh C được nuôi con, ông tạo điều kiện giúp đỡ anh C chăm sóc cháu khi anh C bận công việc.

Bà R trình bày: Bà là mẹ đẻ chị L. Chị L và anh C kết hôn năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường bất đồng quan điểm, hay đánh nhau. Gia đình hai bên đã khuyên can, hòa giải cho hai vợ chồng nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Chị L bỏ về nhà bà nhiều lần và muốn ly hôn nhưng lại thôi. Lần này, chị L nói quyết tâm xin ly hôn anh C. Bà đã khuyên nhủ nhiều rồi nhưng không được. Anh chị đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống của mình. Anh chị có một con chung đang ở cùng chị L và bà. Bà sẽ giúp đỡ, trông nom con giúp chị L khi chị bận công việc và tạo điều kiện cho hai mẹ con có chỗ ở ổn định, lâu dài.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh C và chị L kết hôn và chung sống cùng nhau tại nhà của bố mẹ đẻ anh C. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn, thậm chí còn đánh nhau. Nguyên nhân vì sao anh chị mâu thuẫn thì địa phương không nắm được. Anh chị không đề nghị địa phương hòa giải hoặc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Thời gian gần đây, chị L đã mang con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh chị có một con chung đang ở cùng chị L. Anh chị đều làm tự do và có chỗ ở ổn định.

Tòa án tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn anh C vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và không còn tình cảm với nhau. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung. Chị đồng ý với anh C về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền là 1.000.000đ/tháng từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên.

Anh C xác định anh và chị L có nhiều mâu thuẫn nhưng chủ yếu là do những vấn đề đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. Chị L nói nhiều, anh không giữ được bình tĩnh. Anh muốn dạy chị L nên đã đánh chị L nhiều lần mặc dù anh biết việc đánh chị L là sai. Anh C không đồng ý ly hôn với chị L vì anh vẫn yêu thương chị L. Về con chung: Nếu phải ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L số tiền là 1.000.000đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Huyền L ly hôn anh Đỗ Công C. Về con chung: Giao con chung là Th, sinh ngày 05/4/2018 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L số tiền 1.000.000đ/tháng. Thời gian giao con và cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2021 đến khi con chung thành niên. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Những người làm chứng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Huyền L và anh Đỗ Công C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 11 năm 2016 tại UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh C là hợp pháp

Anh chị chung sống bình thường được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau thậm chí nhiều lần đánh nhau. Chị L đã bỏ nhà anh C đi nhiều

lần xong lại quay về chung sống cùng anh C. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ, phân tích và động viên nhưng anh chị không hóa giải được mâu thuẫn vợ chồng. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể hàn gắn được. Anh C thừa nhận anh chị có nhiều mâu thuẫn, anh đánh chị nhiều lần là do chị nói nhiều, anh lại không giữ được bình tĩnh. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị L.

Lời khai của chị L và anh C về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng, cung cấp của địa phương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực trạng hôn nhân của chị L và anh C thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị là có thật và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị L. Cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có một con chung là Th, sinh ngày 05/4/2018. Cháu Th đang ở cùng chị L và mẹ đẻ chị. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Th cho chị L nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L số tiền là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên. Sự tự nguyện của anh chị phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung: Chị L và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Vũ Thị Huyền L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Đỗ Công C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147. Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Vũ Thị Huyền L ly hôn anh Đỗ Công C.
- 2. Về con chung:** Khi ly hôn, giao con chung là Th, sinh ngày 05/4/2018 cho chị Vũ Thị Huyền L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L số tiền là 1.000.000đồng/tháng. Thời gian giao con và cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Huyền L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000263 ngày 14/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị L đã thi hành xong tiền án phí.

Anh Đỗ Công C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giang;
- Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Tân Trường;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ph¹m Thóy H»ng

**toµ ,n nh©n d©n
thµnh phè h¶i d¬ng
TØnh h¶i D¬ng**

**Céng Høp x· húi chñ nghÜa viÖt nam
§éc lÛp - Tù do - H¹nh phóc**

TP H¶i D¬ng, ngµy 30 th¸ng 12 n¸m 2016

Bi¹n b¶n nghÞ ,n

Toµ ,n nh©n d©n thµnh phè h¶i d¬ng

Vúi Húi ®¸ng xÐt xõ s¬ thÈm g¸m c¸

ThÈm ph, n - Chñ to¹ phi¹n toµ: Bµ Ph¹m Thóy H»ng.

Héi thỀm nh©n d©n: Ông Nguyễn Công Hoan vµ «ng L^a Vⁿ C-

Vµo hỏỉ giê phót nguy 30 th,ng 12 n^m 2016, Héi ®ảng xĐt xõ s- thỀm ®· tiỐn hựnh nghĐ ,n vô ,n H«n nh©n vµ gia ®×nh, gi÷a nguy^an ®-n chĐ L^a ThĐ Th-÷ng vµ bĐ ®-n anh Cao Duy H-ng.

Cⁿ cø vµo c,c chøng cø, tụi liỜu ®· ®-íc thỀm tra tⁱ phi^an tọp, tr^an c- sẽ xem xĐt ®Çy ®ñ tọp diỐn c,c chøng cø, ý kiỐn cⁿ c,c ®-÷ng sù, ®ⁱi diỐn viỐn kiỐm s,t.

Héi ®ảng xĐt xõ th^o luỀn vµ thềng nhÊt 100%, biỚu quyỐt 3/3 nh÷ng vỀn ®Ò sau:

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 8 Điều 27 - Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thương và anh Cao Duy Hưng.

2. Về quan hệ con chung: Khi ly hôn, giao cháu Cao Thị Tố Như, sinh ngày 15/9/2011 cho anh Cao Duy Hưng; giao cháu Cao Nguyên Phúc, sinh ngày 04/01/2014 cho chị Lê Thị Thương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01 năm 2017 đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Chị Thương, anh Hưng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và đều được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thương phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị Thương đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/006380 ngày 06/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương, chị Thương đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bi^an b^o lẾp xong vµo hỏỉ giê phót cⁱng nguy. C,c thựnh vi^an héi ®ảng xĐt xõ cⁱng ®ăc lⁱi nhÊt trÝ ký t^an.

C,c héi thỀm nh©n d©n

ThỀm ph,n - Chⁿ to¹ phi^an tọp.

Phạm Thúy Hằng